

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐĂNG HẢI

DANH SÁCH CHI LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG THÁNG 10 NĂM 2024

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương							Thành tiền	Trừ 10,5% BH		Thực lĩnh	Ghi chú	
			LCB	PCVK	PC CV	PC TN	PCTN ngành		PCƯĐ		Cộng hệ số				
							%	Hệ số							
I	Biên chế														
1	Trần Thị Minh Huệ	Hiệu trưởng	4,98	0,45	0,50		31%	1,838	2,076	9,844	17.718.800	0,816	1.468.200	16.250.600	
2	Bùi Thị Hương	PHT	4,32		0,40		21%	0,991	1,652	7,363	13.253.800	0,600	1.079.400	12.174.400	
3	Phạm Thị Thúy Phương	PHT	3,66		0,40		11%	0,447	1,421	5,928	10.669.700	0,473	851.700	9.818.000	
4	Trần Thị Thu Hằng	KT, TT tổ VP	4,98	0,35	0,20	0,10				5,630	10.134.000	0,581	1.045.200	9.088.800	
5	Phạm Thị Mai	Giáo viên	4,89	0,29			32%	1,658	1,813	8,651	15.571.100	0,718	1.292.300	14.278.800	
6	Nguyễn Thị Minh Hiền	GV, TT tổ NKTG	4,89	0,29	0,20		31%	1,668	1,883	8,931	16.075.400	0,740	1.332.000	14.743.400	
7	Lê Thị Chuyên	GV, TT tổ 3	4,98	0,25			30%	1,569	1,831	8,630	15.533.100	0,714	1.285.000	14.248.100	
8	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Giáo viên	4,98				30%	1,494	1,743	8,217	14.790.600	0,680	1.223.600	13.567.000	
9	Vũ Thị Hương Giang	Giáo viên	4,98				24%	1,195	1,743	7,918	14.252.800	0,648	1.167.100	13.085.700	
10	Hoàng Thị Nữ	GV, TT tổ 2	4,98		0,20		27%	1,399	1,813	8,392	15.104.900	0,691	1.243.400	13.861.500	
11	Nguyễn Minh Nguyệt	GV, TT tổ 4	4,98		0,20		27%	1,399	1,813	8,392	15.104.900	0,691	1.243.400	13.861.500	
12	Tô Thị Bích Liên	GV, TT tổ 1	4,98	0,25	0,20		29%	1,575	1,901	8,905	16.029.400	0,735	1.323.900	14.705.500	
13	Nguyễn Thị Thanh Huyền	GV, TP tổ NKTG	3,96		0,15		20%	0,822	1,439	6,371	11.466.900	0,518	932.100	10.534.800	
14	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Giáo viên	4,32				19%	0,821	1,512	6,653	11.975.000	0,540	971.600	11.003.400	
15	Hoàng Thị Tuyết	NVTB	3,34			0,10				3,440	6.192.000	0,351	631.300	5.560.700	
16	Phạm Thị Hảo	GV, TP tổ 4	4,65		0,15		26%	1,248	1,680	7,728	13.910.400	0,635	1.143.100	12.767.300	
17	Nguyễn . T Thanh Hằng	Giáo viên	4,32				19%	0,821	1,512	6,653	11.975.000	0,540	971.600	11.003.400	
18	Phùng Thị Luyện	Giáo viên	3,33				12%	0,400	1,166	4,895	8.811.200	0,392	704.900	8.106.300	
19	Nguyễn Thị Thúy Chiêu	Giáo viên	3,66		0,15		12%	0,457	1,334	5,601	10.081.300	0,448	806.500	9.274.800	



20	Nguyễn Thị Thu Thủy	Giáo viên	3,66				12%	0,439	1,281	5,380	9.684.400	0,430	774.700	8.909.700	
21	Phạm Thị Thái Hằng	Giáo viên	3,33				11%	0,366	1,166	4,862	8.751.200	0,388	698.600	8.052.600	
22	Hoàng Hải Hà	GV, TP tổ 1	3,66		0,15		14%	0,533	1,334	5,677	10.218.400	0,456	820.900	9.397.500	
23	Phạm Thị Thúy Nga	GV TPT	3,33			0,30	11%	0,366	1,166	5,162	9.291.200	0,388	698.600	8.592.600	
24	Dư Thị Trang	GV, TP tổ 2	3,03		0,15		12%	0,382	1,113	4,675	8.414.300	0,374	673.100	7.741.200	
25	Phạm Thị Thanh Thủy	Giáo viên	4,32				19%	0,821	1,512	6,653	11.975.000	0,540	971.600	11.003.400	
26	Lê Thị Hằng	Giáo viên	4,65				26%	1,209	1,628	7,487	13.475.700	0,615	1.107.400	12.368.300	
27	Lê Văn Tú	Giáo viên	3,66				17%	0,622	1,281	5,563	10.013.800	0,450	809.300	9.204.500	
28	Nguyễn Thị Ngát	Giáo viên	3,33				12%	0,400	1,166	4,895	8.811.200	0,392	704.900	8.106.300	
29	Đỗ Thị Thanh Mai	Giáo viên	3,33				10%	0,333	1,166	4,829	8.691.300	0,385	692.300	7.999.000	
30	Lê Thị Mai Quyên	Giáo viên	3,33				10%	0,333	1,166	4,829	8.691.300	0,385	692.300	7.999.000	
31	Trần Hoài Giang	GV, TP tổ 5	3,00		0,20		9%	0,288	1,120	4,608	8.294.400	0,366	659.200	7.635.200	
32	Bùi Thị Tuyết	Giáo viên	3,03				10%	0,303	1,061	4,394	7.908.300	0,350	629.900	7.278.400	
33	Phạm Thị Thanh Hương	GV, TP tổ 3	3,03		0,20		12%	0,388	1,131	4,748	8.546.600	0,380	683.700	7.862.900	
34	Trần Thị Ngọc Hương	Giáo viên	3,03				16%	0,485	1,061	4,575	8.235.500	0,369	664.300	7.571.200	
35	Nguyễn Thị Thu	Giáo viên	3,03				9%	0,273	1,061	4,363	7.853.800	0,347	624.200	7.229.600	
36	Ngô Thị Thủy Hằng	VT-TQ								0,000	0	0,000	0	0	
37	Phạm Thị Huyền Trang	Giáo viên	3,33				9%	0,300	1,166	4,795	8.631.400	0,381	686.000	7.945.400	
38	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Giáo viên	3,00				8%	0,240	1,050	4,290	7.722.000	0,340	612.400	7.109.600	
39	Vũ Thị Hương	Giáo viên	3,00				9%	0,270	1,050	4,320	7.776.000	0,343	618.000	7.158.000	
40	Nguyễn Thị Minh Thủy	Giáo viên	3,00				7%	0,210	1,050	4,260	7.668.000	0,337	606.700	7.061.300	
41	Trần Thị Thủy	Giáo viên	3,03				9%	0,273	1,061	4,363	7.853.800	0,347	624.200	7.229.600	
42	Dương Thị Hiệu	Giáo viên	2,46				12%	0,295	0,861	3,616	6.509.200	0,289	520.700	5.988.500	
43	Lê Thị Hoàn	Giáo viên	2,72				19%	0,517	0,952	4,189	7.539.800	0,340	611.800	6.928.000	
44	Trịnh Thị Thu Trang	Giáo viên	2,67		0,15		6%	0,169	0,987	3,976	7.157.200	0,314	565.000	6.592.200	
45	Phạm Thị Bích Ngọc	Giáo viên	2,67				6%	0,160	0,935	3,765	6.776.500	0,297	534.900	6.241.600	

46	Trần Thị Minh Châm	Giáo viên	2,67				9%	0,240	0,935	3,845	6.920.600	0,306	550.000	6.370.600	
47	Nguyễn Thị Hải	Giáo viên	2,67						0,935	3,605	6.488.100	0,280	504.600	5.983.500	
48	Trịnh Thị Hà	Giáo viên	2,67				5%	0,134	0,935	3,738	6.728.400	0,294	529.900	6.198.500	
49	Đặng Thị Cẩm	Giáo viên	2,67				11%	0,294	0,935	3,898	7.016.800	0,311	560.100	6.456.700	
50	Lương Minh Chi	Giáo viên	2,67						0,935	3,605	6.488.100	0,280	504.600	5.983.500	
51	Lê Thị Vân	Giáo viên	2,41						0,844	3,254	5.856.300	0,253	455.500	5.400.800	
52	Trần Thị Hiếu	Giáo viên	2,41						0,844	3,254	5.856.300	0,253	455.500	5.400.800	
53	Nguyễn Mai Thương	Giáo viên	2,41				8%	0,193	0,844	3,446	6.203.300	0,273	491.900	5.711.400	
54	Tạ Diệu Anh	Giáo viên	2,10						0,735	2,835	5.103.000	0,221	396.900	4.706.100	
55	Vũ Kiều Trang	Giáo viên	2,41						0,844	3,254	5.856.300	0,253	455.500	5.400.800	
56	Đỗ Thị Thu Hà	Giáo viên	2,34						0,819	3,159	5.686.200	0,246	442.300	5.243.900	
57	Hoàng Thị Thanh Xuân	Giáo viên	2,34						0,819	3,159	5.686.200	0,246	442.300	5.243.900	
58	Nguyễn Quỳnh Anh	Giáo viên	2,34						0,819	3,159	5.686.200	0,246	442.300	5.243.900	
59	Nguyễn Thị Nhân	Giáo viên	4,98				25%	1,245	1,743	7,968	14.342.400	0,654	1.176.500	13.165.900	
60	Đồng Thị Hương	Giáo viên	3,34				12%	0,401	1,169	4,910	8.837.600	0,393	707.000	8.130.600	
61	Phạm Thị Diệp	Giáo viên	2,67				8%	0,214	0,935	3,818	6.872.600	0,303	545.000	6.327.600	
62	Trần Tô Mai Phương	Giáo viên	2,34						0,819	3,159	5.686.200	0,246	442.300	5.243.900	
63	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Giáo viên	2,34						0,819	3,159	5.686.200	0,246	442.300	5.243.900	
64	Trần Khánh Linh	Giáo viên	2,34						0,819	3,159	5.686.200	0,246	442.300	5.243.900	
65	Đỗ Minh Ngọc	Giáo viên	2,34						0,819	3,159	5.686.200	0,246	442.300	5.243.900	
66	Đinh Thị Mỹ Phương	Giáo viên	2,34						0,819	3,159	5.686.200	0,246	442.300	5.243.900	
67	Lê Thùy Trang	Giáo viên	1,99						0,697	2,687	4.835.700	0,209	376.100	4.459.600	
68	Đào Thị Linh Đan	Giáo viên	2,34						0,819	3,159	5.686.200	0,246	442.300	5.243.900	
69	Phạm Huyền Linh	Giáo viên	2,34						0,819	3,159	5.686.200	0,246	442.300	5.243.900	
70	Lê Thị Minh Tâm	Giáo viên	2,67				9%	0,240	0,935	3,845	6.920.600	0,306	550.000	6.370.600	
	Cộng biên chế		229,95	1,880	3,600	0,500	7,830	32,734	79,296	347,960	626.328.700	28,157	50.683.100	575.645.600	

II	Hợp đồng trong chỉ tiêu BC																
1	Nguyễn Thị Minh Thảo	Giáo viên												5.400.000		567.000	4.833.000
2	Trương Thị Chính	Giáo viên												5.400.000		567.000	4.833.000
3	Bùi Xuân Thuần	Giáo viên												5.400.000		567.000	4.833.000
4	Hoàng Thị Thu Hằng	Giáo viên												5.400.000		567.000	4.833.000
5	Hứa Linh Chi	Giáo viên												5.400.000		567.000	4.833.000
	Cộng hợp đồng												27.000.000	0	2.835.000	24.165.000	
	Tổng cộng		229,95	1,88	3,60	0,50		32,734	79,296	347,960	653.328.700	28,157	53.518.100	599.810.600			

Tổng số tiền chi bằng chữ: Năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm mười nghìn sáu trăm đồng.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024

Kế toán





Hiệu trưởng



Trần Thị Thu Hằng

Trần Thị Minh Huệ